

CÁC YẾU TỐ ẢNH HƯỞNG ĐẾN CÁC QUYẾT ĐỊNH ĐẦU TƯ CỦA CÁC DOANH NGHIỆP NHỎ VÀ VỪA Ở TỈNH BÌNH DƯƠNG

● PHẠM CÔNG ĐỘ

TÓM TẮT:

Các doanh nghiệp nhỏ và vừa (DNNVV) có một vai trò quan trọng trong sự tăng trưởng kinh tế của tỉnh Bình Dương, sự phát triển của DN là một trong những nguyên tắc kinh doanh cơ bản và phần quan trọng nhất của quá trình phát triển tổng thể là đầu tư. Do vậy, mục tiêu của nghiên cứu này là phân tích các yếu tố ảnh hưởng đến các quyết định đầu tư của các DNNVV ở tỉnh Bình Dương. Kết quả cho thấy: Sự hiểu biết tài chính, kinh nghiệm đầu tư, kế hoạch kinh doanh, hệ thống thông tin kế toán, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh nhỏ và tiếp cận tài chính có ảnh hưởng đáng kể đến các quyết định đầu tư của các DNNVV ở tỉnh Bình Dương.

Từ khóa: Sự hiểu biết tài chính, kinh nghiệm đầu tư, kế hoạch kinh doanh, hệ thống thông tin kế toán, các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh nhỏ, tiếp cận tài chính, các quyết định đầu tư, doanh nghiệp nhỏ và vừa, tỉnh Bình Dương.

1. Giới thiệu

Theo UBND tỉnh Bình Dương (2018), lũy kế đến tháng 11/2018, tỉnh Bình Dương có 35.863 DN đăng ký kinh doanh, đứng thứ 3 so với cả nước (chỉ sau TP. Hồ Chí Minh và Hà Nội), 97% DN ở tỉnh Bình Dương là DNNVV. DN ở tỉnh Bình Dương cũng đóng vai trò quan trọng đối với sự phát triển của tỉnh Bình Dương nói riêng và cả nước nói chung, tổng sản phẩm trong tỉnh (GRDP) năm 2018 tăng khoảng 9,1%, thu ngân sách khoảng 50.000 tỷ đồng. Tuy nhiên, theo số liệu thống kê từ Cục Thuế tỉnh Bình Dương (2018), năm 2018 có 2.777 DN ngừng hoạt động, khoảng trên 52% DNNVV đang hoạt động có kết quả kinh doanh lỗ (trong đó DN siêu nhỏ chiếm khoảng 60%). số DN có kết quả kinh doanh lỗ chủ yếu là những DN có ngành nghề thương mại và dịch vụ, có năng lực

quản trị thấp, khó tiếp cận nguồn vốn vay đã ảnh hưởng đến hoạt động đầu tư của DN, mức sinh lời của tài sản và vốn đầu tư ở mức thấp.

Theo McMahon và cộng sự (1993), quyết định đầu tư là một trong những quyết định của quản trị tài chính của DNNVV, nó quyết định cả lợi nhuận của các hoạt động cốt lõi của DN và các rủi ro kinh doanh. Kalsum và cộng sự (2018), để có một quyết định đầu tư tốt, các nhà đầu tư cần hiểu rõ các yếu tố ảnh hưởng đến các quyết định đầu tư một cách đầy đủ và chính xác, quyết định này không nên được thực hiện vội vàng. Các quyết định đầu tư không chính xác có thể dẫn đến phá sản DN. Gveroski and Risteska Jankuloska (2017), quá trình ra quyết định đầu tư sẽ dễ dàng khi tất cả các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư được nhà đầu tư biết rõ, để trong tương lai có thể tránh hoặc

giảm bất kỳ tổn thất nào. Do vậy, nghiên cứu này tập trung vào việc nghiên cứu các yếu tố ảnh hưởng đến các quyết định đầu tư của DNNVV ở tỉnh Bình Dương.

2. Tổng quan nghiên cứu và mô hình nghiên cứu

Theo OECD (2006), DNNVV và nhà DN đã được công nhận trên toàn thế giới là một nguồn quan trọng của sự năng động, sáng tạo và linh hoạt ở các nước công nghiệp tiên tiến, cũng như trong các nền kinh tế mới nổi và đang phát triển. Ở Việt Nam hiện nay, định nghĩa DNNVV được nêu trong Luật Hỗ trợ DNNVV số 04/2017/QH14 ngày 14/7/2017 của Quốc hội về hỗ trợ DNNVV. Theo Luật này, DNNVV bao gồm DN siêu nhỏ, DN nhỏ và DN vừa, có số lao động tham gia bảo hiểm xã hội bình quân năm không quá 200 người và đáp ứng một trong hai tiêu chí sau: Tổng nguồn vốn không quá 100 tỷ đồng hoặc tổng doanh thu của năm trước liền kề không quá 300 tỷ đồng.

Theo McMahon và cộng sự (1993), quản trị tài chính của DNNVV liên quan đến 03 loại quyết định: các quyết định đầu tư, các quyết định nguồn tài trợ và các quyết định phân phối lợi nhuận. Các quyết định đầu tư thì liên quan đến số lượng và thành phần của tài sản ngắn hạn và dài hạn được nắm giữ và để đạt được một sự cân đối thích hợp giữa hai loại tài sản này. Katsum và cộng sự (2018), quá trình ra quyết định đầu tư là một quá trình quan trọng tùy thuộc vào các yếu tố khác nhau có thể ảnh hưởng khác nhau giữa các cá nhân. Gveroski and Risteska Jankuloska (2017), các quyết định đầu tư được thực hiện bởi các nhà đầu tư. Các nhà đầu tư thường thực hiện phân tích đầu tư bằng cách sử dụng phân tích cơ bản, phân tích kỹ thuật và đánh giá. Các lý thuyết đầu tư của công ty có thể được chia thành hai nhóm chính: các lý thuyết xem xét rằng đầu tư phụ thuộc nhiều hơn vào các điều kiện bên ngoài mà công ty hoạt động và các lý thuyết xem xét đầu tư phụ thuộc nhiều hơn vào các điều kiện nội bộ của công ty. Abanis và cộng sự (2013), thực hiện các quyết định đầu tư hiệu quả sẽ giúp cho quản trị tài chính hiệu quả hơn và nâng cao hiệu quả tài chính.

Dựa vào thực trạng thực hiện các quyết định đầu tư của DNNVV ở tỉnh Bình Dương, nghiên cứu định tính và các nghiên cứu trước đây về các yếu

tố ảnh hưởng đến các quyết định đầu tư của DNNVV, như: Rahman và cộng sự (2014), Enver Bajcinca (2015), Mustabsar Awais và cộng sự (2016), Gveroski and Risteska Jankuloska (2017), Bongomin và cộng sự (2017), Ummi Kalsum và cộng sự (2018). Tác giả xây dựng các giả thuyết và mô hình cho nghiên cứu này như sau:

Giả thuyết 1 (H1): Sự hiểu biết tài chính ảnh hưởng đáng kể đến tiếp cận tài chính của DNNVV ở tỉnh Bình Dương

Giả thuyết 2 (H2): Sự hiểu biết tài chính ảnh hưởng đáng kể đến các quyết định đầu tư của DNNVV ở tỉnh Bình Dương

Giả thuyết 3 (H3): Kinh nghiệm đầu tư ảnh hưởng đáng kể đến tiếp cận tài chính của DNNVV ở tỉnh Bình Dương

Giả thuyết 4 (H4): Kinh nghiệm đầu tư ảnh hưởng đáng kể đến các quyết định đầu tư của DNNVV ở tỉnh Bình Dương

Giả thuyết 5 (H5): Kế hoạch kinh doanh ảnh hưởng đáng kể đến tiếp cận tài chính của DNNVV ở tỉnh Bình Dương

Giả thuyết 6 (H6): Kế hoạch kinh doanh ảnh hưởng đáng kể đến các quyết định đầu tư của DNNVV ở tỉnh Bình Dương

Giả thuyết 7 (H7): Hệ thống thông tin kế toán ảnh hưởng đáng kể đến tiếp cận tài chính của DNNVV ở tỉnh Bình Dương

Giả thuyết 8 (H8): Hệ thống thông tin kế toán ảnh hưởng đáng kể đến các quyết định đầu tư của DNNVV ở tỉnh Bình Dương

Giả thuyết 9 (H9): Các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh nhỏ ảnh hưởng đáng kể đến tiếp cận tài chính của DNNVV ở tỉnh Bình Dương

Giả thuyết 10 (H10): Các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh nhỏ ảnh hưởng đáng kể đến các quyết định đầu tư của DNNVV ở tỉnh Bình Dương

Giả thuyết 11 (H11): Tiếp cận tài chính ảnh hưởng đáng kể đến các quyết định đầu tư của DNNVV ở tỉnh Bình Dương

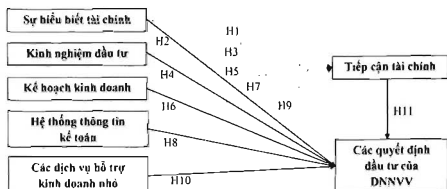
Mối quan hệ giả thuyết và mô hình nghiên cứu được trình bày ở Hình 1.

3. Phương pháp nghiên cứu

3.1. Đo lường các biến

Tất cả các đo lường của các biến được đưa trên thang đo Likert 5 điểm, được xếp hạng từ giá trị 1 cho phản hồi hoàn toàn không đồng ý lên đến giá trị 5 cho phản hồi hoàn toàn đồng ý.

Hình 1: Mô hình nghiên cứu



Nguồn: Tác giả tự tổng hợp

Bảng 1. Tổng hợp thang đo các biến trong mô hình

Biến	Tên biến	Số biến quan sát	Thang đo gốc
X1	Sự hiểu biết tài chính	13	Bongomin và cộng sự (2017)
X2	Kinh nghiệm đầu tư	6	Mutuku và cộng sự (2016)
X3	Kế hoạch kinh doanh	6	Egbuna và Agali (2013)
X4	Hệ thống thông tin kế toán	5	Nwinee và cộng sự (2016)
X5	Các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh nhỏ	6	VCCI và USAID (2017)
M1	Tiếp cận tài chính	10	Bongomin và cộng sự (2017)
Y	Các quyết định đầu tư của DNNVV	9	Abanis và cộng sự (2013)
	Tổng	55	

3.2. Phương pháp chọn mẫu và thu nhập dữ liệu

Phương pháp chọn mẫu ngẫu nhiên phân tầng của nghiên cứu này được xác định theo các bước của Nguyễn Đình Thọ (2013), để phân tích nhân tố khám phá (EFA), kích thước mẫu tối thiểu là 50, tốt hơn là 100 và tỷ lệ quan sát/biến đo lường là 5:1, nghĩa là 1 biến đo lường cần tối thiểu 5 quan sát. Trong mô hình nghiên cứu này, tác giả đề xuất 6 biến độc lập tương đương 46 biến quan sát có thể

được sử dụng trong phân tích nhân tố khám phá. Do vậy, cỡ mẫu tối thiểu cần thiết của nghiên cứu là $46 \times 5 = 230$. Hiện tại, tổng số lượng DN ở TP.Thủ Dầu Một, Thị xã Thuận An và Thị xã Dĩ An chiếm tỷ trọng trên 70% tổng số DN của tỉnh Bình Dương, do hạn chế về thời gian và kinh phí nên nghiên cứu này chỉ sử dụng bảng câu hỏi cấu trúc để tiến hành khảo sát 600 DNNVV ở 3 địa bàn là TP.Thủ Dầu Một (180 DN), Thị

xã Thuận An (210 DN) và Thị xã Dĩ An (210 DN), trong thời gian từ tháng 06/2018 đến tháng 12/2018. Kết quả khảo sát có 443 DNNVV trả lời đạt (74%) (TP.Thủ Dầu Một: 141, Thị xã Thuận An: 152, Thị xã Dĩ An: 150), có 20 phiếu trả lời bị lỗi, còn 423 phiếu trả lời sẽ được sử dụng để phục vụ cho nghiên cứu.

Bảng 2. Những đặc điểm của DN

	Số lượng DN	Phần trăm
Loại hình DN		
Công ty CP	25	5,8
Công ty TNHH	368	87,2
DNTN	30	7,0
Ngành nghề		
Thương mại và dịch vụ	267	63,2
Công nghiệp và xây dựng	153	36,0
Nông, lâm, thủy sản	3	0,8
Quy mô DN theo doanh số		
Từ 10 tỷ đồng trở xuống	308	72,9
Trên 10 tỷ đồng đến 100 tỷ đồng	99	23,3
Trên 100 tỷ đến 300 tỷ đồng	16	3,8
Tuổi DN		
Từ 5 năm trở xuống	250	59,1
Trên 5 năm đến 10 năm	119	28,1
Trên 10 năm	54	12,8
Tổng cộng	423	100

Nguồn: Số liệu thống kê từ số liệu điều tra, năm 2018

4. Kết quả nghiên cứu và thảo luận

4.1. Kiểm định độ tin cậy của thang đo

Kết quả phân tích Cronbach's Alpha cho thấy, thang đo thuộc các khái niệm đều có giá trị Cronbach's Alpha đạt yêu cầu lớn hơn 0,7. Bên cạnh đó, có 8 biến quan sát có hệ số tương quan biến tổng nhỏ hơn 0,3 sẽ bị loại; 47 biến quan sát còn lại có hệ số tương quan biến tổng lớn hơn 0,3. Như vậy, các biến quan sát đạt yêu cầu về độ tin cậy sẽ được dùng để phục vụ cho nghiên cứu khám phá tiếp theo.

Bảng 3. Kết quả kiểm định độ tin cậy của thang đo

Ký hiệu	Khoản mục	Số biến quan sát	Hệ số Cronbach's Alpha
HBTC	Sự hiểu biết tài chính	10	0,873
KNDT	Kinh nghiệm đầu tư	5	0,903
KHKD	Kế hoạch kinh doanh	6	0,917
HTTKT	Hệ thống thông tin kế toán	5	0,883
DVHTDN	Các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh nhỏ	6	0,909
TCTC	Tiếp cận tài chính	8	0,878
QDDT	Các quyết định đầu tư của DNNVV	7	0,893
	Cộng	47	

Nguồn: Kết quả kiểm định Cronbach's Alpha từ số liệu điều tra, năm 2018

4.2. Phân tích nhân tố khám phá (EFA) và phân tích nhân tố khẳng định (CFA)

Khi phân tích EFA lần 1 có 3 biến quan sát không đạt yêu cầu, bao gồm: HBTC7, HBTC11, HTTKT1; Khi phân tích EFA lần 2, các giá trị kiểm định đều được đảm bảo: Hệ số KMO: $0,5 < KMO = 0,917 < 1,0$; kiểm định Bartlett's về sự tương quan của các biến quan sát (Sig. = $0,000 < 0,05$) chứng tỏ các biến có liên quan chặt chẽ với nhau; tổng phương sai trích = $71,359\% (> 50\%)$ đạt yêu cầu. Kết quả phân tích ma trận xoay nhân tố cho thấy, có 7 nhóm nhân tố được hình thành, các hệ số tải nhân tố của các biến quan sát lên nhân tố mà nó đo lường đều đạt yêu cầu ($> 0,5$). Sau khi phân tích EFA, thực hiện phân tích CFA nhằm kiểm định lại các giá trị của thang đo (giá trị hội tụ, giá trị phân biệt, giá trị liên hệ lý thuyết, giá trị nội dung). Kết quả phân tích CFA ở Hình 2 cho thấy, với hệ số Cmin/df = $2,056 (< 3)$, các hệ số TLI = $0,943$, CFI = $0,948$, điều này cho thấy độ thích hợp của dữ liệu với mô hình nghiên cứu là khá tốt,

bên cạnh đó giá trị RMSEA = $0,050 < 0,08$. Do vậy, thang đo của mô hình nghiên cứu đạt được các giá trị kiểm định, thang đo rất thích hợp để sử dụng cho nghiên cứu này.

4.3. Phân tích mô hình cấu trúc (SEM)

Sau khi thực hiện phân tích CFA, sẽ tiến hành phân tích SEM nhằm kiểm định các giả thuyết nghiên cứu và ước lượng sự tác động của các biến trong mô hình nghiên cứu. Kết quả phân tích SEM ở Hình 3 cho thấy, các giá trị đánh giá sự thích hợp của mô hình như CMIN/df = $1,993$, CFI =

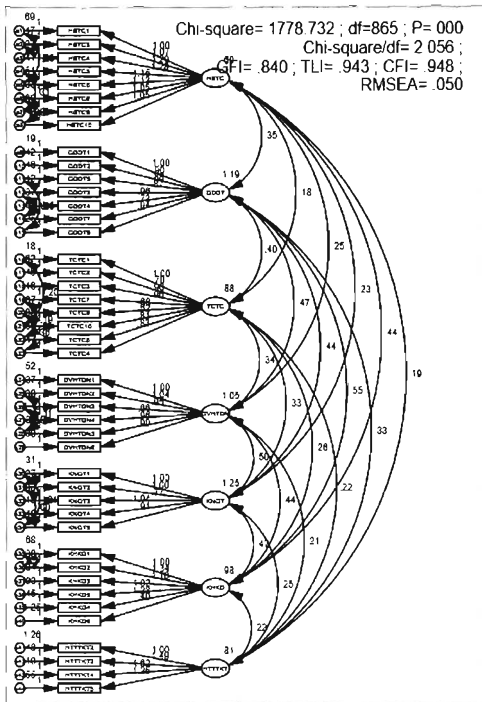
$0,849$, TLI = $0,953$, CFI = $0,957$, RMSEA = $0,049$ đều phù hợp, nên dữ liệu phù hợp với mô hình nghiên cứu.

Các kết quả ước lượng ở Bảng 4 cho thấy, tất cả các giả thuyết đều được chấp nhận với giá trị kiểm định sig $< 0,05$. Trong các yếu tố ảnh hưởng đến quyết định đầu tư (QDDT) thì kế hoạch kinh doanh (KHKD) có sự ảnh hưởng mạnh nhất (hệ số beta = $0,243$, $p < 0,000$). Trong các yếu tố ảnh hưởng đến tiếp cận tài chính (TCTC) thì hiểu biết tài chính (HBTC) có sự ảnh hưởng mạnh nhất (hệ số beta = $0,188$, $p < 0,002$).

5. Kết luận và khuyến nghị

Kết quả nghiên cứu cho thấy có 5 yếu tố ảnh hưởng đến tiếp cận tài chính và các quyết định đầu tư của các DNNVV, bao gồm: Sự hiểu biết tài chính, kinh nghiệm đầu tư, kế hoạch kinh doanh, hệ thống thông tin kế toán và các dịch vụ hỗ trợ kinh doanh nhỏ; Tiếp cận tài chính cũng ảnh hưởng đến các quyết định đầu tư của DNNVV. Do vậy, để nâng cao hiệu quả trong

Hình 2: Kết quả phân tích CFA



Những điều này sẽ giúp DN có thể đáp ứng được các yêu cầu của các ngân hàng thương mại và các quỹ hỗ trợ vốn cho DNNVV, làm tăng khả năng tiếp cận tài chính.

Hai là, nâng cao sự hiểu biết về tài chính: Các nhà quản lý DNNVV nên chủ động nâng cao sự hiểu biết tài chính thông qua sách, internet hoặc các công ty dịch vụ tư vấn tài chính-kế toán. Các kiến thức tài chính cần tập trung, như: sổ sách kế toán, lập và phân tích báo cáo tài chính, lập kế hoạch tài chính, các dịch vụ tài chính do ngân hàng cung cấp.

Ba là, cải thiện kinh nghiệm đầu tư: Các nhà quản lý DN có thể cải thiện kinh nghiệm đầu tư thông qua học hỏi kinh nghiệm từ những doanh nhân thành đạt, tham gia các lớp đào tạo về các kỹ năng để thực hiện các quyết định đầu tư, như: các kỹ năng đánh giá dự án trước khi đầu tư, các kỹ năng quản lý trong quá trình đầu tư và các kỹ năng đánh giá hiệu quả đầu tư sau một thời kỳ nhất định.

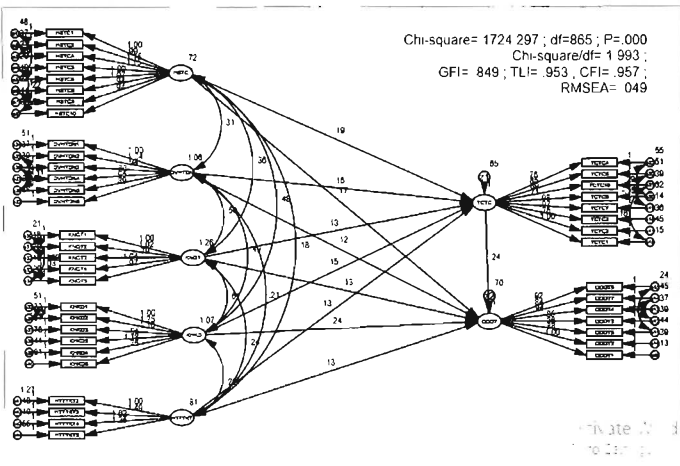
Bốn là, nâng cao chất lượng của việc lập kế hoạch: Lập kế hoạch phải

việc thực hiện các quyết định đầu tư của các DNNVV ở tỉnh Bình Dương, tác giả khuyến nghị các giải pháp sau:

Một là, nâng cao khả năng tiếp cận tài chính: Các DNNVV nên cải thiện sự hiểu biết tài chính, chất lượng của kế hoạch kinh doanh, kinh nghiệm đầu tư, hệ thống thông tin kế toán và tăng cường sử dụng các dịch vụ hỗ trợ DN có chất lượng.

căn cứ vào vị trí của DN mình, xuất phát từ những mục tiêu cá nhân; Phân tích những khách thức và những cơ hội của môi trường, những điểm mạnh và điểm yếu trong kinh doanh; DN sẽ xây dựng những mục tiêu và những chiến lược kinh doanh cho DN mình; Xác định cụ thể những sản phẩm hoặc dịch vụ, nguồn nhân lực và nguồn tài chính cho DN mình; Xây dựng ngân sách ngắn hạn và

Hình 3: Kết quả phân tích SEM



Bảng 4. Kết quả ước lượng

Các mối quan hệ	Estimate	S.E.	C.R.	P
TCTC ← HBTC	0,188	0,062	3,033	0,002
TCTC ← HTTKT	0,130	0,049	2,650	0,008
TCTC ← KHKD	0,148	0,056	2,645	0,008
TCTC ← KNĐT	0,131	0,046	2,821	0,005
TCTC ← DVHTDN	0,157	0,049	3,192	0,001
QDDT ← HBTC	0,168	0,066	2,533	0,011
QDDT ← KNĐT	0,133	0,049	2,694	0,007
QDDT ← DVHTDN	0,116	0,053	2,204	0,027
QDDT ← KHKD	0,243	0,060	4,045	0,000
QDDT ← HTTKT	0,135	0,052	2,584	0,010
QDDT ← TCTC	0,240	0,055	4,378	0,000

Nguồn: Tính toán từ kết quả phân tích SEM

dài hạn với các ước tính chi tiết về lợi nhuận, chi phí, các khoản đầu tư tài sản và các yêu cầu tiền mặt.

Năm là, nâng cao chất lượng của hệ thống thông tin kế toán: Các DNNVV nên xây dựng hệ thống thông tin kế toán phù hợp theo các chuẩn mực của kế toán; Các nhân viên kế toán nên được đào tạo về cách sử dụng và các kỹ năng liên quan đến ứng dụng hệ thống thông tin kế toán; Các DNNVV nên thường xuyên nâng cấp hệ thống thông tin kế toán để đảm bảo cập nhật dữ liệu và các chính sách một cách đầy đủ, kịp thời và chính xác nhằm phục vụ cho việc thực hiện các quyết định đầu tư

của nhà quản lý DN và những yêu cầu của cá nhân, tổ chức khác có liên quan như ngân hàng, các nhà đầu tư, cơ quan thuế.

Sáu là, cải thiện chất lượng của các dịch vụ hỗ trợ DNNVV: Các cơ quan chính quyền địa phương và khu vực tư nhân nên tạo điều kiện cho DNNVV tiếp cận các dịch vụ hỗ trợ đào tạo và tư vấn về thực hiện quyết định đầu tư, hỗ trợ tiếp cận tín dụng một cách dễ dàng, chất lượng hơn

và với chi phí cũng phù hợp hơn. Các cơ quan chính quyền địa phương nên từ từ rút khỏi việc cung cấp trực tiếp các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp và chuyển giao nhiệm vụ này cho các hiệp hội doanh nghiệp và khu vực tư nhân. Các cơ quan nhà nước nên tập trung vào chức năng hoạch định chính sách và giám sát chất lượng dịch vụ được cung cấp, thay vì việc trực tiếp cung cấp các dịch vụ hỗ trợ doanh nghiệp ■

TÀI LIỆU THAM KHẢO:

1. Cục Thuế Bình Dương (2018). *Số liệu thống kê quản lý DN năm 2018*.
2. Nguyễn Đình Thọ (2013). *Giáo trình phương pháp nghiên cứu khoa học trong kinh doanh*, Nhà xuất bản Tài chính.
3. Quốc hội (2017). *Luật hỗ trợ DN nhỏ và vừa số 04/2017/QH14 ngày 14/7/2017*.
4. UBND (Ủy ban Nhân dân) tỉnh Bình Dương (2019). *Báo cáo tình hình KTXH, quốc phòng, an ninh năm 2018, phương hướng nhiệm vụ năm 2019*
5. VCCI (Phòng Thương mại - Công nghiệp Việt Nam) (2017). *Báo cáo Thường niên DN Việt Nam 2016 - Chủ đề năm: quản trị công ty*, Nhà xuất bản Thông tin và Truyền thông.
6. VCCI và USAID (Phòng Thương mại - Công nghiệp Việt Nam và Cơ quan Phát triển Quốc tế Hoa Kỳ) (2017). *Chỉ số năng lực cạnh tranh cấp tỉnh năm 2016 (PCI 2016)*, Nhà xuất bản Lao động.
7. Abanis và cộng sự (2013). "Financial Management Practices In Small And Medium Enterprises in Selected Districts In Western Uganda", *Research Journal of Finance and Accounting*, Vol.4, No.2.
8. Bongomin và cộng sự (2017). "The relationship between access to finance and growth of SMEs in developing economies: Financial literacy as a moderator", *Review of International Business and Strategy*, 27: 520 - 38.
9. Egbuna và Agali (2013). "Effect of Planning on the Performance of Small and Medium Enterprises in South-Western Nigeria", *Asian Journal of Business Management*, 5(3): 326 - 331.
10. Enver Bajcinca (2015). "The determinants of SMEs investments in Kosovo", *International Journal of Multidisciplinary Thought*, 05(03): 523 - 534.
11. Gveroski and Risteska Jankuloska (2017). "Determinants of Investment Decisions in Smes", *Balkan and Near Eastern Journal of Social Sciences*, 03 (01)
12. McMahon RGP, Holmes S, Hutchinson PJ, Forsaith DM (1993). *Small Enterprise Financial Management: Theory and Practice*. Sydney, New South Wales: Harcourt Brace.
13. Mustabsar Awnis và cộng sự (2016). "Impact of Financial Literacy and Investment Experience on Risk Tolerance and Investment Decisions: Empirical Evidence from Pakistan", *International Journal of Economics and Financial Issues*, 6 (1), 73 - 79.
14. Muuku và cộng sự (2016). "Factors influencing the financial performance of small manufacturing firms in Kisii county, Kenya". *International journal of social sciences and information technology*, Vol 2 Issue 3.
15. Nthenge và Ringera (2017). "Effect Of Financial Management Practices on Financial Performance of Small and Medium Enterprises in Kiambu Town, Kenya", *American Based Research Journal*, Vol-6-Issue-1
16. Nwinee và cộng sự (2016). "Impact of Accounting Information System on Organizational Effectiveness: A Study of Selected Small and Medium Scale Enterprises in Woji, Portharcourt", *International Journal of Research (IJR)*, Volume 3, Issue 01.

17. OECD (Organisation for Economic Cooperation and Development) (2006). *The SME Financing Gap (Vol. 1): Theory and Evidence*.

18. Rahman, Yaacob and Radzi (2014). "Determinants of successful financial management among micro entrepreneur in malaysia". *Journal of Asian Scientific Research*, 4(11): 631 - 639.

19. Ummy Kalsum và cộng sự (2018). "Effects of Financial Literacy and Investment Experience on Access to Finance and Investment Decisions in Small Enterprises in Southeast Sulawesi". *International Journal of Scientific & Engineering Research*, Volume 9, Issue 2.

Ngày nhận bài: 15/2/2019

Ngày phản biện đánh giá và sửa chữa: 25/2/2019

Ngày chấp nhận đăng bài: 7/3/2019

Thông tin tác giả:

ThS. PHẠM CÔNG ĐỘ

Trường Đại học Thủ Dầu Một

FACTORS AFFECTING INVESTMENT DECISIONS OF SMALL AND MEDIUM-SIZED ENTERPRISES IN BINH DUONG PROVINCE

● Master. PHAM CONG DO

Thu Dau Mot University

ABSTRACT:

Small and medium-sized enterprises (SMEs) play a crucial role in the economic growth of Binh Duong Province. Growing is one of the basic business goals of enterprises and the most important part of business development is the investment. As a result, this study is to analyze factors affecting investment decisions of small and medium-sized enterprises located in Binh Duong Province. Results indicated that financial literacy, investment experience, business plan, accounting information system, small business support services and access to finance have significant effects on investment decisions of SMEs in Binh Duong Province.

Keywords: Financial literacy, investment experience, business plan, accounting information system, small business support services, access to finance, investment decisions, small and medium-sized enterprises, Binh Duong Province.